

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2022
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đ và ông Bùi Đăng B.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu H, Cán bộ Tòa án.

- **Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Th, Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Đinh Duy H, sinh năm 1989; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

* *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; “vắng mặt”

Đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

Địa chỉ hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Đinh Duy L, sinh ngày 10/11/2016; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp cho cháu L: Anh Đinh Duy H và chị Trần Thị H là bố mẹ đẻ của cháu.

* *Người làm chứng:* Ông Đinh Duy C, sinh năm 1952; “vắng mặt”

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn Đinh Duy H; bản tự khai, biên bản ghi lời khai của chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Anh Đinh Duy H có quan điểm: Anh kết hôn với chị Trần Thị H trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh K vào ngày 07/5/2015 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau trong tỉnh K được khoảng 01 năm thì vợ chồng chuyển về thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H sinh sống. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh bình thường, đến khoảng tháng 5 năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có cùng tiếng nói chung, chị H là người không chú trọng đến công việc gia đình, bỏ bê con cái, không quan tâm chăm sóc gì đến con, anh có tham gia góp ý thì chị H không nghe dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, ngoài ra anh cố nghi ngờ chị H là người sống không chung thủy với anh, tuy nhiên anh không có căn cứ gì để chứng minh chị H sống không chung thủy với anh. Khoảng giữa tháng 10 năm 2022 vợ chồng anh xảy ra cãi nhau vì lý do chị H không dành thời gian để chăm con, anh có bàn với chị H về gần nhà làm để có thời gian chăm con nh chị H cũng không nghe, do bức tức anh có tát chị H vài cái nên chị H đã bỏ nhà đi vào xã Đ, huyện Đ, tỉnh K ở cùng với mẹ đẻ. Từ khi chị H bỏ nhà đi, anh đã nhiều lần gọi điện động viên để chị H quay về nh chị H cương quyết không muốn quay về chung sống cùng anh nữa. Nay anh xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với chị H, nếu có cố níu kéo thì chị H cũng không quay về chung sống cùng anh nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H theo quy định của pháp luật.

+ Chị Trần Thị H có quan điểm: Chị và anh Đinh Duy H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh K vào ngày 07/5/2015 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu về vấn đề kinh tế, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không thể tìm được tiếng nói chung. Chị và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, chị và anh H không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh H, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Đinh Duy H và chị Trần Thị H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Duy L, sinh ngày 10/11/2016. Hiện cháu L đang ở với anh H, ly hôn anh H có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung; chị H nhất trí giao cháu L cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và nhất trí quan điểm của anh H là chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Đinh Duy H và chị Trần Thị H đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản, không có công sức, không có ruộng canh tác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng (ông Đinh Duy C là bố đẻ anh H) trình bày:

Anh H kết hôn với chị H trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh K vào năm 2015 theo quy định của pháp luật. Năm 2018 anh H và chị H chuyển về gia đình ông chung sống, quá trình hai anh chị chung sống cùng nhau thấy tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị bình thường, đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Lý do, anh H nghi ngờ chị H sống không chung thủy, có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau to tiếng. Cuối tháng 10/2022 vợ chồng anh H, chị H cãi nhau to tiếng, chị H đã bỏ anh H và con đi vào trong tỉnh K. Gia đình ông có gọi điện thoại cho mẹ chị H để nhờ động viên chị H quay về chung sống cùng anh H nhưng chị H không quay về. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị H thì quan điểm của gia đình ông cũng mong muốn vợ chồng anh H, chị H về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, còn nếu anh H, chị H cương quyết ly hôn nhau thì đây là quyền của hai anh chị, gia đình ông không có ý kiến gì. Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Đinh Duy L, sinh ngày 10/11/2016, hiện cháu L đang ở với anh H và gia đình ông. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Theo ông được biết thì vợ chồng anh H, chị H không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, trong thời gian anh H, chị H ở chung cùng gia đình ông không có công sức đóng góp hoặc tu tạo gì vào khối tài sản chung của gia đình ông; gia đình ông cũng không liên quan gì về vấn đề tài sản với vợ chồng anh H, chị H nên gia đình ông không có yêu cầu, đề nghị gì. Ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Đinh Duy H, bị đơn chị Trần Thị H vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Duy H, cho anh H được ly hôn với chị Trần Thị H. Về con chung: Giao cháu Đinh Duy L, sinh ngày 10/11/2016 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng

nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không có, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh Đinh Duy H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Anh Đinh Duy H và chị Trần Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh K vào ngày 07/5/2015 theo quy định của pháp luật và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H. Hiện tại chị H đã chuyển đến địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K sinh sống, tuy nhiên, cả anh H và chị H đều có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện P là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định anh Đinh Duy H và chị Trần Thị H có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2015 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh K theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, cả anh H và chị H đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên sống với nhau không được hòa hợp, không có hạnh phúc. Anh H và chị H đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Anh H có đơn xin ly hôn, chị H cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị cũng nhất trí ly hôn. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H có đơn khởi kiện xin ly hôn chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[3] Về con chung: Anh Đinh Duy H và chị Trần Thị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Duy L, sinh ngày 10/11/2016. Hiện cháu L đang ở với anh H, ly hôn, anh H có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quan điểm nhất trí giao cháu L cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và nhất trí quan điểm của anh H là chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H. HĐXX xét thấy: Cháu L vẫn đang ở cùng với

anh H, được anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chu đáo, anh H có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L khi ly hôn và được chị H nhất trí, để tránh bị xáo trộn do thay đổi nơi cư trú, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu L nên tiếp tục giao cháu L cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của anh H cũng như quan điểm của chị H. Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của anh H nên cần được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đinh Duy H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Duy H, xử cho anh Đinh Duy H được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Duy L, sinh ngày 10/11/2016 cho anh Đinh Duy H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Duy H không yêu cầu chị Trần Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Duy H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn NH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0006194, ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, anh H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Q